TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1047/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 03/6/2026
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đào Tiến Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lê Thị Thanh Tâm.

2/ Ông Phạm Văn Thạnh.

Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh ghi biên bản phiên tòa: bà Trần Thị Trúc Ly.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh: bà Nguyễn Thị Thu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 6 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 592/2025/TLST-HNGĐ ngày 17/10/2025 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 370/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/4/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 291/2026/QĐST-HNGĐ ngày 12/5/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Trịnh Trúc L – sinh năm: 1989; CCCD: 0961XXXX; thường trú: Đường K, xã T, tỉnh C; tạm trú: số 26/19/59/1 L, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: ông Lâm Thành N – sinh năm: 1990; CCCD: 0840XXXX; thường trú: số B, khóm B, phường Hòa T, tỉnh V; tạm trú: số 26/19/59/1 L, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/10/2025 và các lời khai và các phiên hòa giải trong quá trình giải quyết, nguyên đơn trình bày:

Bà và ông Lâm Thành N sau thời gian tìm hiểu, đến ngày 13/4/2015 cả hai tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 5, thành phố T, tỉnh T (nay là phường H, tỉnh V) theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 23/2015 quyển 01/2015. Trong quá trình chung sống thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do cả hai không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã mặc dù cả hai đã cố gắng hàn

gắn nhưng không được thể hòa giải được. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó bà đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết các yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được giải quyết ly hôn với ông Lâm Thành Ngữ.

Về con chung: có 02 con chung tên Lâm Gia B sinh ngày 08/7/2015 và Lâm Hải Đ sinh ngày 06/12/2019. Bà Trịnh Trúc L yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên là Lâm Hải Đ, giao trẻ Lâm Gia B cho ông Lâm Thành N chăm sóc và nuôi dưỡng. Không cần ông Lâm Thành N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: bà thừa nhận không có tài sản chung, nợ chung.

Bị đơn ông Lâm Thành N vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình làm việc tại Tòa án bà trình bày: ông và bà Trịnh Trúc L sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố T, tỉnh T theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 23/2015 quyển 01/2015. Trong quá trình chung sống thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do cả hai không tìm được tiếng nói chung, tuy nhiên ông xác định vẫn còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung tên Lâm Gia B sinh ngày 08/7/2015 và Lâm Hải Đ sinh ngày 06/12/2019. Ông Lâm Thành N yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu bà Trịnh Trúc L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: ông thừa nhận không có tài sản chung, nợ chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu về việc chấp hành đúng quy định theo Bộ Luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và xác định: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án, qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đủ căn cứ để chứng minh bà Trịnh Trúc L và ông Lâm Thành N có mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân, vì vậy đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: có 02 con chung tên Lâm Gia B sinh ngày 08/7/2015 và Lâm Hải Đ sinh ngày 06/12/2019, đề nghị giao trẻ Lâm Hải Đ cho bà Trịnh Trúc L inh, giao trẻ Lâm Gia B cho ông Lâm Thành N chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào cấp dưỡng bên nào.

Về tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn, bị đơn khai không có.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Trịnh Trúc L và ông Lâm Thành N đã tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 13/4/2015 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố T, tỉnh T theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 23/2015 quyển 01/2015. Ông Lâm Thành N có địa chỉ tại: số 26/19/59/1 L, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh, nguyên đơn nộp đơn ly hôn với bị đơn tại Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh, đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh đã triệu tập hợp lệ bị đơn là ông Lâm Thành N tham dự phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật nhưng ông Lâm Thành N không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa nên Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.] Xét yêu cầu của đương sự:

[2.1.] Qua các chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của nguyên đơn có đủ cơ sở để xác định bà Trịnh Trúc L và ông Lâm Thành N đã tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 13/4/2015 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố T, tỉnh T (nay là phường H, tỉnh V) theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 23/2015 quyển 01/2015. Từ ngày Tòa án tiến hành hòa giải quan hệ hôn nhân đến phiên tòa hôm nay ông Lâm Thành N và bà Trịnh Trúc L đã không hòa giải được quan hệ hôn nhân, tại phiên tòa hôm nay bà Trịnh Trúc L vẫn giữ yêu cầu ly hôn, ông Lâm Thành N vắng mặt nên không có ý kiến về việc đề nghị hòa giải quan hệ hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa bà Trịnh Trúc L và ông Lâm Thành N đã kéo dài mà không thể hòa giải được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu ly hôn của bà Trịnh Trúc L là có cơ sở chấp nhận.

[2.2.] Về con chung: có 02 con chung tên Lâm Gia B sinh ngày 08/7/2015 và Lâm Hải Đ sinh ngày 06/12/2019.

Bà Trịnh Trúc L xác định hiện đang chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Lâm Hải Đ, hiện trẻ Lâm Gia B đang được ông Lâm Thành N cùng cha, mẹ ông Lâm Thành N chăm sóc nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Trịnh Trúc L xác định hiện con chung tên Lâm Gia B đang được ông Lâm Thành N và cha, mẹ ông chăm sóc, nuôi dưỡng và bà không đưa được trẻ Lâm Gia B lên để Tòa án tiến hành lấy lời khai để xác định trẻ Lâm Gia B mong muốn được ở với ai. Bà có hỏi trẻ Lâm Gia B thì trẻ nói muốn ở với ông Lâm Thành Ngữ. Ông Lâm Thành N có ý kiến đề nghị được chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung nhưng không chịu đưa trẻ Lâm Gia B lên để Tòa án tiến

hành lấy lời khai cũng như cung cấp chứng cứ thể hiện đủ điều kiện kinh tế để chăm sóc nuôi dưỡng 02 con.

Hội đồng xét xử xét thấy việc trẻ Lâm Hải Đ đang được bà Trịnh Trúc L chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định và trẻ Lâm Gia B đang được ông Lâm Thành N chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định và cần đảm bảo việc sinh sống, ăn học của trẻ vì vậy chấp nhận yêu cầu của bà Trịnh Trúc L inh, giao trẻ Lâm Gia B cho ông Lâm Thành N chăm sóc, nuôi dưỡng, giao trẻ Lâm Hải Đ cho bà Trịnh Trúc L chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con không bên nào yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3.] Về tài sản chung và nợ chung: hai bên xác nhận không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

[3.] Về án phí:

Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Trịnh Trúc L phải chịu và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0027917 ngày 17/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, bà Trịnh Trúc L đã nộp đủ án phí.

[4.] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp quy định pháp luật, nên thống nhất.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 ngày 12 tháng 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: bà Trịnh Trúc L được ly hôn với ông Lâm Thành Ngữ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 23/2015 quyển 01/2015 ngày 13/4/2015 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố T, tỉnh T (nay là phường H, tỉnh V) cấp cho bà Trịnh Trúc L và ông Lâm Thành N không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: có 02 con chung tên Lâm Gia B sinh ngày 08/7/2015 và Lâm Hải Đ sinh ngày 06/12/2019.

Giao trẻ Lâm Gia B cho ông Lâm Thành N chăm sóc, nuôi dưỡng.

Giao trẻ Lâm Hải Đ cho bà Trịnh Trúc L chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ghi nhận việc bà Trịnh Trúc L và ông Lâm Thành N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu của cha, mẹ; thay đổi quyền nuôi con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: bà Trịnh Trúc L inh, ông Lâm Thành N khai không có.

2.Về án phí:

Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng bà Trịnh Trúc L phải chịu và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0027917 ngày 17/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, bà Trịnh Trúc L đã nộp đủ án phí.

3.Về quyền kháng cáo, kháng nghị.

Viện kiểm sát được quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày đương sự nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- THADS TP.HCM;
- VKSND KV9-TP.HCM;
- Lưu hồ sơ; VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Tiến Trung